

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 23-8-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Th Huyền

- Ông Nguyễn Đức Khâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Th – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23-8-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 02-6-2022 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 08-8-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Bá C, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Bá C trình bày:

Ông Nguyễn Duy T là hàng xóm thân thiết với ông Lê Bá C, ngày 24/12/2021, ông Th viết giấy biên nhận vay nợ ông C số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Trong giấy biên nhận vay tiền hẹn ngày 30/12/2021 sẽ hoàn trả và không có thỏa thuận về lãi suất. Ông C đã giao cho ông Th số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 30/12/2021 đến hạn ông C có đến gặp ông Th để đòi tiền nhưng ông Th không trả và hẹn lại nhiều lần. Đến ngày 12/01/2022, do ông C đòi nhiều lần ông Th tiếp tục viết lại giấy biên nhận vay với số tiền 100.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 12/5/2022 và không thỏa thuận về lãi suất (giấy biên nhận vay tiền số tiền 100.000.000 đồng viết ngày 24/12/2021 bản gốc ông C đã đưa lại cho ông Th, ông C còn giữ lại bản photo). Trong giấy biên nhận vay tiền viết ngày 12/01/2022,

ông Th viết cho ông C có ghi nội dung là vay hộ chị Lương Thị Thuỷ trú tại Thôn 3, M, T, Yên Bái hẹn đến ngày 12/5/2022, chị Thuỷ có trách nhiệm Th toán cho ông Th để ông Th thanh toán cho ông C, đây chỉ là lý do mà ông Th đưa ra. Do tin tưởng và có mối quan hệ bạn bè lâu năm nên khi ông Th viết giấy vay tiền có nội dung trên ông C không để ý, mà ông C chỉ quan tâm đến số tiền vay trong giấy biên nhận. Ông C chỉ biết cho ông Th vay số tiền 100.000.000 đồng, còn ông Th cho chị Th vay hay không ông không biết. Nay ông C đề nghị ông Th trả cho ông số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, không yêu cầu ông Th phải trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2022, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ngày 24/12/2021, ông Th có viết giấy vay ông Lê Bá C số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Trong giấy biên nhận vay tiền hẹn ngày 30/12/2021 sẽ hoàn trả và không thỏa thuận về lãi suất. Đến 30/12/2021 ông đã trả cho ông C số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2022 ông Th có đứng ra ký giấy vay tiền với ông C hộ chị Lương Thị Th, trú tại thôn 3, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái số tiền là 100.000.000 đồng. Giấy vay tiền là do ông viết thỏa thuận giữa ông, chị Th và ông C đến ngày 12/5/2022 chị Th thanh toán cho ông thì ông sẽ thanh toán cho ông C, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Lãi suất là thỏa thuận miệng giữa ông C và chị Th ông không biết. Giấy vay tiền giữa ông và ông C là do ông ký ngoài ra không có ai khác nữa. Ông C là người giao tiền cho chị Th bằng phương pháp chuyển vào tài khoản cho chị Th tại ngân hàng. Sau khi chuyển khoản xong ông mới ký giấy vay tiền và chị Th có viết lại giấy vay tiền với ông. Còn thực chất ông C có chuyển tiền cho chị Th hay không ông không được biết và ông không được nhận tiền của ông C. Lý do ông ký giấy vay tiền của ông C hộ chị Th là do ông với ông C là hàng xóm thân thiết, ông C sẽ cho ông vay còn chị Th vay ông C sẽ không cho vay. Vì vậy, ông viết giấy vay tiền của ông C để cho chị Th vay lại.

Tại phiên tòa, ông Th công nhận có ký vay tiền của ông C số tiền 100.000.000 đồng và ông phải có trách nhiệm trả nhưng ông đề nghị khi nào chị Th trả ông sẽ trả cho ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều

468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá C đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T.

2. Buộc ông Nguyễn Duy T phải trả cho ông Lê Bá C số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Duy T cư trú tại thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về khoản tiền vay: Việc ông Lê Bá C cho ông Nguyễn Duy T vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vào ngày 12/01/2022 hạn đến 12/5/2022 trả là có thật điều đó đã được các bên đương sự thừa nhận, ông Th đã ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, ông Th công nhận giấy vay tiền là do ông ký nhưng khoản tiền vay là ông vay hộ chị Th với lý do ông là hàng xóm thân thiết được ông C tin tưởng nên ông viết giấy vay với ông C để cho chị Th vay lại còn thực chất ông không được nhận tiền, nhưng không được ông C thừa nhận và bản thân ông Th cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Duy T có đề nghị đưa chị Lương Thị Th trú tại thôn 3, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái tham gia với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập và xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện tại chị Th không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không biết. Vì vậy, không lấy lời khai của chị Th được.

[2.2] Căn cứ vào giấy vay tiền xác định hợp đồng vay được giao kết tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự khi tham gia thỏa thuận giao kết hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, hợp đồng vay giữa ông Lê Bá C và ông Nguyễn Duy T là hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Dân sự.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn cho rằng ông đã đòi nhiều lần nhưng ông Nguyễn Duy T chưa trả cho ông khoản tiền nào. Ông Nguyễn Duy T xác định có ký giấy vay tiền của ông Lê Bá C, nhưng là vay hộ chị Th nên chị Th chưa trả thì ông chưa trả cho ông C, nhưng đây không phải lỗi của ông C. Do vậy, xác định ông Nguyễn Duy T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

[2.4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Lê Bá C không đề nghị tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các nhận định trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá C buộc ông Nguyễn Duy T phải trả cho ông Lê Bá C số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ông Lê Bá C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá C đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T.

2. Buộc ông Nguyễn Duy T phải trả cho ông Lê Bá C số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Bá C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Duy T không trả hết số tiền kể trên thì hàng tháng ông Nguyễn Duy T còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Duy T phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Bá C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001890 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 31/5/2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mai Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Th Huyền Nguyễn Văn Khâm

Phạm Mai Hằng

